

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/11/2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Mùi

Ông Trần Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/7/2018, về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/10/2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm 1990

Cư trú tại: Thôn 04, xã Q, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: Anh Cấn Đức N, sinh năm 1986

Cư trú tại: Thôn 04, xã Q, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

Chị V xin xét xử vắng mặt. Anh N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Lê Thị V trình bày: Chị và anh Cấn Đức N kết hôn năm 2014 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà ra ở riêng. Trong thời gian chung sống vợ chồng hoà thuận được khoảng 1 năm thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Từ tháng 10/2016 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở Bắc Giang để ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không có trách nhiệm với nhau. Đến nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết, bị đơn là anh Cấn Đức N xác nhận về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và những mâu thuẫn nhỏ nhặt hàng ngày. Tuy nhiên anh xác định vẫn còn tình cảm với chị V, nên chị V xin ly hôn anh không nhất trí.

- Về con chung: Chị V và anh N xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Cấn Tuệ M, sinh ngày 18/12/2015. Từ tháng 10/2016 khi chị V về Bắc Giang đã đưa cháu đi ở cùng từ đó đến nay. Nếu ly hôn chị V và anh N đều xin được nuôi con và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị V và anh N đều xác định không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định:

+ Hoạt động tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng trong việc thụ lý, thu thập chứng cứ, giải quyết và xét xử đối với vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V.

- Về con chung: Giao cháu Cấn Tuệ M, sinh ngày 18/12/2015 cho chị Lê Thị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con nên không phải giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị V và anh N xác định không có nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị V phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị V và anh Cấn Đức N kết hôn với nhau vào năm 2014 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, hai bên chỉ hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Từ tháng 10/2016 đến nay hai người đã sống ly thân (chị V về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Bắc Giang), vợ chồng không có trách nhiệm với nhau nữa. Tuy anh N không nhất trí ly hôn, nhưng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Chính quyền địa phương xã Q cũng xác nhận mâu thuẫn về quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh N. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh N đã căng thẳng trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc bền vững không đạt được. Do vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V.

[2]. Về con chung: Chị V và anh N có 01 con chung là Cấn Tuệ M, sinh ngày 18/12/2015, hiện đang ở với chị V. Sau khi ly hôn cả chị V và anh N đều có nguyện vọng nuôi con. Tuy chị V và anh N đều có đủ điều kiện nuôi con như nhau, nhưng tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Sau khi ly hôn con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Cháu Cấn Tuệ M tính đến ngày xét xử hôm nay chưa đủ 36 tháng tuổi và hiện đang ở với chị V. Do vậy sau khi ly hôn sẽ giao cháu M cho chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị V không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, vay nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị V phải nộp theo quy định của pháp luật.

[5]. Bị đơn là anh Cấn Đức N đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt. Chị Lê Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị V và anh Cấn Đức N.

2. Về con chung: Giao cháu Cấn Tuệ M, sinh ngày 18/12/2015 cho chị Lê Thị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị V. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền chị V phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0002856 ngày 20/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị V đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị V và anh N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Q;
- Chi cục THADS huyện Đoàn Hùng;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Vũ Thường